

CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 – HSX: NT2

Cơ bản đã ở lại phía sau

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu: 25,300

Upside: +21%

Ngành tiện ích công cộng | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi tăng 26% giá mục tiêu từ mức 20,050 VND/CP lên mức 25,300 VND/CP [so với báo cáo trước](#) sau khi điều chỉnh tăng 74% lợi nhuận ròng năm 2025.

BSC duy trì khuyến nghị **MUA** cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu **25,300 VND/CP**, tương đương upside 21% (theo giá tham chiếu ngày 11/08/2025, đã bao gồm tỷ suất cổ tức 4.6%), dựa trên 2 phương pháp: chiết khấu dòng tiền và EV/EBITDA.

CẬP NHẬT TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2025

- Tỷ lệ Qc cả năm của NT2 tăng từ mức 82% lên mức 98% giúp biên lợi nhuận gộp đạt 8.0% (cùng kỳ chỉ đạt 0.9%).
- Từ Q4/2025, chi phí khấu hao giảm 90% giúp hỗ trợ lợi nhuận.
- Tỷ suất cổ tức ở mức 4.6% nhưng có thể tăng lên mức 6.8% trong tương lai.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Dự báo năm 2025

Doanh thu thuần đạt 7,345 tỷ VND (+24% YoY) và lợi nhuận ròng đạt 530 tỷ VND (+548% YoY).

- Sản lượng điện đạt 3,134 triệu kwh, tăng 16% YoY từ nền thấp.
- Giá bán điện tăng 6.8% YoY nhờ tỷ lệ Qc của nhà máy đạt 98% trong khi cùng kỳ chỉ đạt 82%.
- Ước tính trong quý 2 ghi nhận khoảng 210 tỷ VND doanh thu bồi thường do EVN không huy động đủ lượng Qc đã cam kết.

Thay đổi dự báo 2025 so với báo cáo trước

LNST-CĐTS năm 2025 điều chỉnh tăng 74% từ 304 tỷ VND lên mức 530 tỷ VND (LNST-CĐTS cốt lõi điều chỉnh từ 90 tỷ VND lên mức 362 tỷ VND) chủ yếu do:

- Tăng tỷ lệ Qc từ mức 93% lên 98% giúp biên gộp tăng từ 4.1% lên mức 8.0%.
- Bổ sung 210 tỷ VND doanh thu bồi thường Qc, bù đắp việc chuyển doanh thu tỷ giá 177 tỷ VND và dịch vụ môi trường rừng 91 tỷ VND sang năm 2026 và năm 2027.

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q2/2025

Doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 2,081 tỷ VND (-5% YoY) và 327 tỷ VND (+168% YoY). Lũy kế 6 tháng 2025 đạt 3,508 tỷ VND (+43% YoY) và 364 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 36 tỷ VND), hoàn thành 41% và 123% dự phóng cả năm 2025 trong báo cáo trước.

RỦI RO: 1) tỷ lệ Qc không đạt như kỳ vọng, 2) sự cố kỹ thuật ở nhà máy làm gián đoạn hoạt động sản xuất.

KQKD	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	6,386	5,944	7,345	7,523
Lợi nhuận gộp	510	52	590	835
NPATMI	473	83	530	727
EPS	1,643	288	1,841	2,526

Trung tâm phân tích BSC

Nguyễn Dân Trường

(Chuyên viên phân tích)

truongnd@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	21,650
Cổ phiếu LH (Triệu):	287.9
Vốn hoá (Tỷ VND):	6,232
Thanh khoản 30n (Triệu):	1.99
Sở hữu nước ngoài:	10.17%

Mở tài khoản



I. CẬP NHẬT KQKD Q2.2025

(Tỷ VND)	Q2.2024	Q2.2025	% YoY	1H2025	% YoY	2025F	% 1H2025 / 2025F
Sản lượng điện (triệu kwh)	1,026	776	-24%	1,369	16%	3,326	41%
Giá trung bình (VND/kwh)	2,130	2,682	26%	2,562	-34%	2,242	114%
Doanh thu thuần	2,186	2,081	-5%	3,508	43%	7,725	45%
Lãi gộp	130	366	183%	411	N/A	316	130%
Doanh thu tài chính	19	38	98%	69	80%	127	55%
Chi phí tài chính	9	18	107%	32	91%	30	107%
-Lãi vay	9	18	108%	30	120%	30	103%
Chi phí QLDN	18	21	14%	40	20%	96	41%
Lãi từ HĐKD	122	365	200%	409	N/A	317	129%
LNTT	122	365	199%	409	N/A	317	129%
LNST_CĐTS	122	327	168%	364	N/A	296	123%
			Thay đổi		Thay đổi		
Biên lợi nhuận gộp	5.9%	17.6%	12%	11.7%	16%	4.1%	
Tỷ lệ SG/DT	0.8%	1.0%	0.2%	1.1%	-0.2%	1.2%	

Nguồn: BSC Research, NT2

Tóm tắt KQKD Q2/2025: Tỷ lệ Qc cải thiện

Q2/2025: Doanh thu đạt 2,081 tỷ VND (-5% YoY, +146% QoQ), LNST-CĐTS đạt 327 tỷ VND (+168% YoY, +885% QoQ).

Lũy kế 1H2025: Doanh thu đạt 3,508 tỷ VND (+43% YoY), LNST-CĐTS đạt 364 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 36 tỷ VND).

Phân tích KQKD Q2/2025:

Sản lượng điện giảm -24% YoY trong đó sản lượng hợp đồng Qc đạt 776 triệu kwh (+14% YoY) và không có sản lượng trên thị trường cạnh tranh Qm (cùng kỳ đạt 119 triệu kwh). Mức suy giảm sản lượng điện -24% YoY do các nhà máy thủy điện được tăng huy động (+27% YoY) trong bối cảnh thủy văn thuận lợi.

Giá bán tăng 26% YoY nhờ:

- Nhận bồi thường từ EVN do không huy động đủ Qc như cam kết (956 triệu kwh), ước tính 210 tỷ VND hạch toán vào doanh thu và đóng góp thẳng vào lợi nhuận gộp. Nếu loại bỏ khoản này, giá bán tăng 13% YoY.
- Tỷ trọng sản lượng Qc tăng từ 85% lên mức 100%, trong khi giá bán Qc cao hơn Qm; biên lợi nhuận cốt lõi theo đó cải thiện nhờ hạn chế bán điện trên thị trường cạnh tranh Qm.

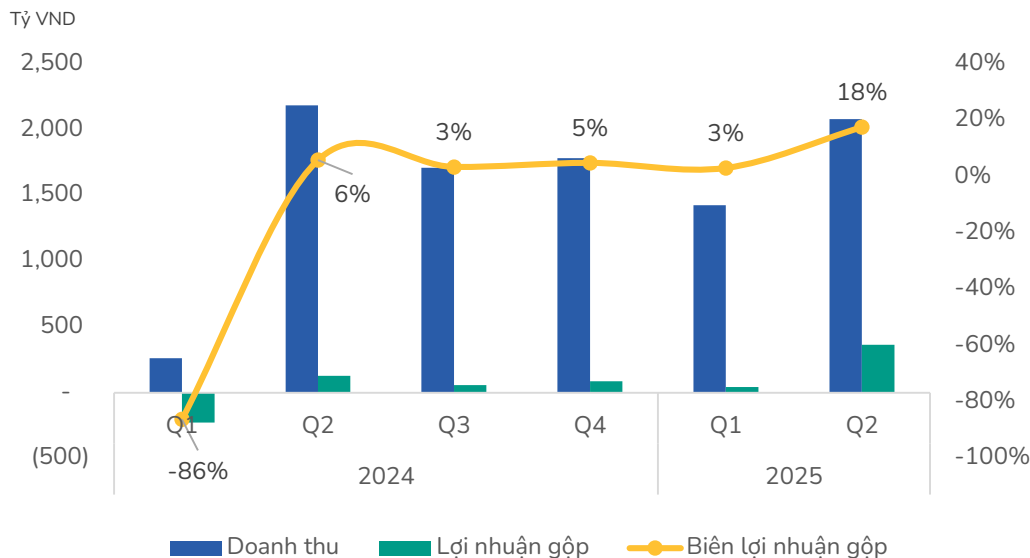
Các thông tin trên giúp biên lợi nhuận gộp đạt 17.6%, tăng 12 điểm % so với cùng kỳ.

Đánh giá của BSC

KQKD 1H2025 lần lượt hoàn thành 41% và 123% doanh thu và LNST-CĐTS dự phóng cả năm của BSC. Kết quả lợi nhuận cao hơn kỳ vọng do 1) nhà máy có sản lượng điện bán trên thị trường điện cạnh tranh Qm thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi (trong 1H2025 sản lượng Qm chỉ đạt 7% dự phóng cả năm) và 2) ước tính có doanh thu bất thường 210 tỷ VND từ bồi thường do EVN không huy động đủ Qc cam kết.

Do đó, BSC sẽ điều chỉnh tăng LNST-CĐTS năm 2025.

Tỷ lệ Qc của NT2 đạt 100% trong Q2/2025 (cùng kỳ đạt 85%)



Nguồn: BSC Research, NT2

II. CẬP NHẬT TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2025

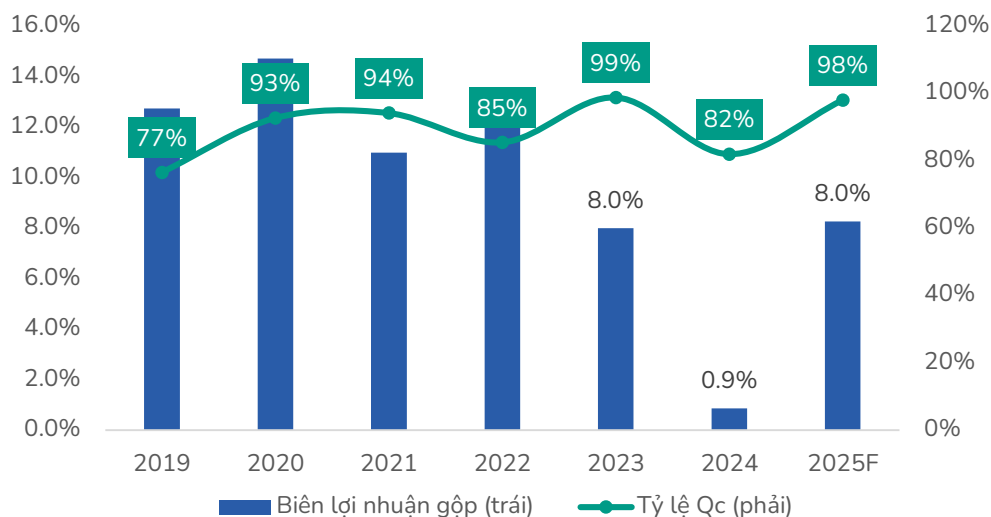
1. Tỷ lệ Qc cả năm của NT2 tăng từ mức 82% lên mức 98% giúp biên lợi nhuận gộp đạt 8.0% (cùng kỳ chỉ đạt 0.9%).

Dưới tác động tích cực từ quyết định nâng tỷ lệ Qc lên 80% cho năm 2025 của Bộ Công Thương (so với mức 70% trong năm 2024 [link](#)), hoạt động của NT2 đã có nhiều thuận lợi khi phần lớn sản lượng điện được bán theo hợp đồng Qc với mức giá tốt hơn so với thị trường cạnh tranh Qm.

Trong khi [báo cáo trước đó](#) của chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ Qc của NT2 đạt 93% – mức thông thường của nhà máy, thì thực tế 1H2025 cho thấy tỷ lệ Qc đã đạt tới 99%.

Trên cơ sở đó, BSC điều chỉnh tăng giả định tỷ lệ Qc của NT2 trong năm 2025 từ 93% lên 98% (cùng kỳ đạt 82%). Nhờ đó, biên lợi nhuận gộp ước tính được nâng từ 4.1% lên 8.0%, phản ánh triển vọng cải thiện mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh của công ty.

Năm 2025, tỷ lệ Qc của NT2 quay về mức 9% sẽ hỗ trợ biên lợi nhuận gộp



Nguồn: NT2, BSC Research

2. Từ Q4/2025, chi phí khấu hao giảm 90% giúp hỗ trợ lợi nhuận.

Hiện tại, chi phí khấu hao hàng năm của NT2 vào khoảng 685 tỷ VND, trong đó riêng phần khấu hao máy móc thiết bị chiếm khoảng 510 tỷ VND. Tuy nhiên, phần khấu hao lớn này sẽ được trích hết trong Q3/2025, và kể từ Q4/2025, tổng chi phí khấu hao của NT2 dự kiến giảm từ 170 tỷ VND xuống khoảng 17–20 tỷ VND/quý, tương đương 70–80 tỷ VND cho cả năm 2026 – giảm khoảng 90% so với mức thông thường. Lợi nhuận trước thuế sau năm 2025 sẽ được gia tăng thêm khoảng 600–615 tỷ VND/năm.

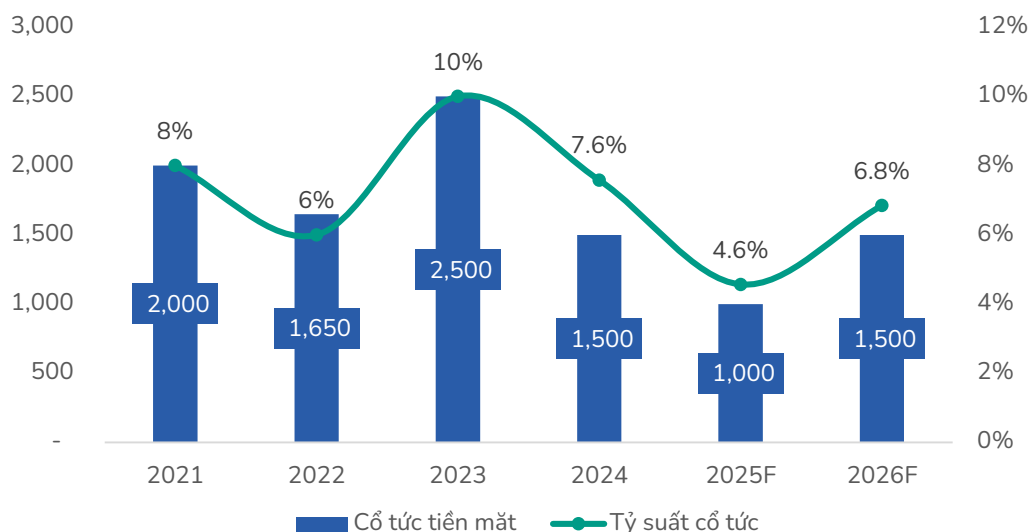
3. Tỷ suất cổ tức ở mức 4.6% nhưng có thể tăng lên mức 6.8% trong tương lai.

Theo nghị quyết đại hội cổ đông 2025, NT2 sẽ chi trả cổ tức tiền mặt 1,000 VND/CP, tương đương tỷ suất cổ tức 4.6% tại thị giá hiện tại. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng công ty có khả năng sớm quay lại chính sách chi trả 1,500 VND/CP (430 tỷ VND – tỷ suất cổ tức đạt 6.8%) trong các năm sau nhờ:

1. Công ty không có nợ vay dài hạn và tiền mặt ròng tại thời điểm 30/06/2025 đạt 1,466 tỷ VND.
2. Không có kế hoạch đầu tư lớn trong tương lai.
3. Năm 2024 được xem là năm đáy lợi nhuận và triển vọng cải thiện rõ rệt từ năm 2025 (như đã phân tích ở trên).

Tỷ suất cổ tức hiện tại đang ở mức 4.6%

VND/CP



Nguồn: BSC Research, fiinpro

III. DỰ PHÓNG KQKD 2025/2026

(Tỷ VND)	1H2025	%YoY	2025F mới	%YoY	2026F	%YoY
Sản lượng điện (triệu kwh)	1,369	16%	3,134	16%	3,227	3%
Giá trung bình (VND/kwh)	2,562	-34%	2,344	6.8%	2,276	-3%
Doanh thu thuần	3,508	43%	7,345	24%	7,523	2%
-Điện	3,508	43%	7,345	24%	7,346	0%
-Khác	-		-		177	
Lãi gộp	411	N/A	590	1046%	835	41%
Doanh thu tài chính	69	80%	130	30%	183	41%
Chi phí tài chính	32	91%	54	39%	66	22%
-Lãi vay	30	120%	54	54%	66	22%
Chi phí QLDN	40	20%	88	8%	87	-1%
Lãi từ HĐKD	409	N/A	579	1729%	865	49%
LNTT	409	N/A	579	457%	865	49%
LNST_CĐTTS	364	N/A	530	540%	727	37%
		Thay đổi		Thay đổi		Thay đổi
Biên gộp mảng điện	11.7%	16%	8.0%	7.2%	11.0%	3.0%
Tỷ lệ SGA/DT	1.1%	-0.2%	1.2%	-0.2%	1.2%	0.0%

Nguồn: NT2, BSC Research

Dự báo năm 2025

Doanh thu đạt 7,345 tỷ VND (+24% YoY):

- Sản lượng điện đạt 3,134 triệu kwh, tăng 16% YoY từ nền thấp.
- Giá bán điện tăng 6.8% YoY nhờ tỷ lệ Qc của nhà máy đạt 98% trong khi cùng kỳ chỉ đạt 82%.
- Ước tính trong quý 2 đã ghi nhận khoảng 210 tỷ VND doanh thu bồi thường do EVN không huy động đủ lượng Qc đã cam kết.

LNST-CĐTTS đạt 530 tỷ VND (+540% YoY). Nếu loại bỏ doanh thu bồi thường, EBITDA cốt lõi đạt 832 tỷ VND (+27% YoY).

Thay đổi dự báo 2025 so với báo cáo trước

LNST-CĐTTS năm 2025 điều chỉnh tăng 74% từ 304 tỷ VND lên mức 530 tỷ VND (LNST-CĐTTS cốt lõi điều chỉnh từ 90 tỷ VND lên mức 362 tỷ VND) chủ yếu do:

- Tăng tỷ lệ Qc từ mức 93% lên 98% giúp biên gộp tăng từ 4.1% lên mức 8.0%.
- Bổ sung 210 tỷ VND doanh thu bồi thường Qc, bù đắp việc chuyển doanh thu tỷ giá 177 tỷ VND và dịch vụ môi trường rừng 91 tỷ VND sang năm 2026 và năm 2027.

Dự báo năm 2026

Doanh thu đạt 7,523 tỷ VND (+2% YoY):

- Sản lượng điện tăng 3% YoY.
- Ghi nhận doanh thu tỷ giá 177 tỷ VND.
- Tỷ lệ Qc giảm từ 99% xuống mức 94% làm giá bán trung bình giảm -3% YoY.

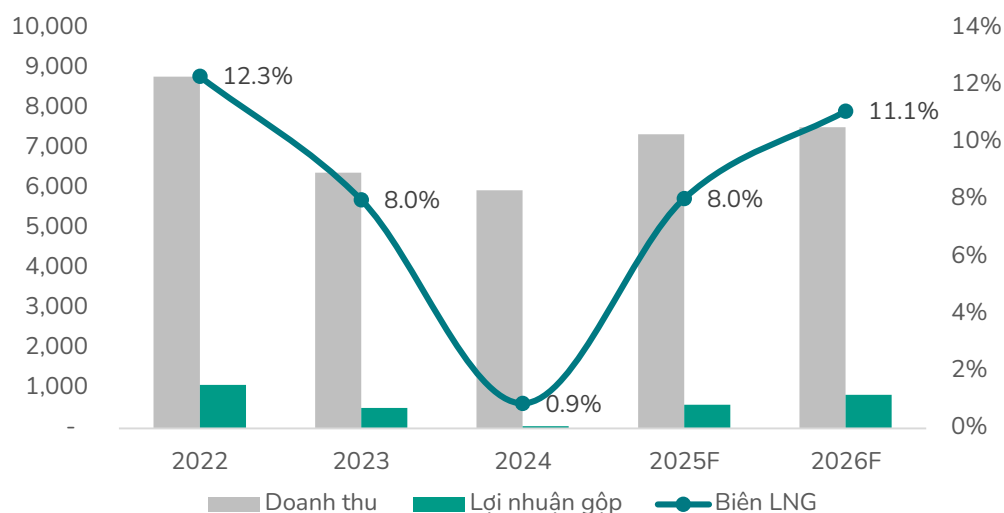
Biên lợi nhuận gộp đạt 11%, tăng 3 điểm % so với cùng kỳ nhờ chi phí khấu hao giảm từ 685 tỷ VND xuống 70 tỷ VND.

LNST-CĐTS đạt 727 tỷ VND (+37% YoY). Lưu ý, từ năm 2026 thuế suất của NT2 sẽ quay về mức 20% (tăng từ mức 10% của năm 2025) do hết thời gian ưu đãi thuế.

Nếu loại bỏ các khoản doanh thu bất thường, EBITDA cốt lõi 2026 dự kiến đạt 641 tỷ VND (-23% YoY) do giảm tỷ lệ Qc nhưng sẽ cải thiện dần lên mức thông thường 850 - 900 tỷ VND nhờ được tăng cường huy động khi các nguồn năng lượng bổ sung mới hầu như đều có giá thành cao hơn NT2 và phụ tải tiếp tục tăng trưởng.

Dự báo kết quả kinh doanh NT2

Tỷ VND



Nguồn: BSC Research, NT2

IV. ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi điều chỉnh tăng 26% giá mục tiêu từ mức 20,050 VND/CP lên mức 25,300 VND/CP so với báo cáo trước sau khi tăng 74% lợi nhuận ròng năm 2025.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu **25,300 VND/CP**, tương đương upside 22% (theo giá tham chiếu ngày 11/08/2025, đã bao gồm tỷ suất cổ tức 4.6%), dựa trên phương pháp chiết khấu dòng tiền và EV/EBITDA.

Định giá theo FCFF

Lãi suất phi rủi ro	4.5%
Beta	0.9
Phần bù rủi ro	10.0%
Chi phí vốn chủ	14.1%
Chi phí lãi vay	3.7%
Tỷ lệ vốn chủ	68%
Tỷ lệ nợ vay	32%
Thuế suất	10%
WACC	10.7%
Terminal growth	1.5%

Giá trị doanh nghiệp	6,214
(+) tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn	3,454
(-) nợ vay	1,988
Cổ phiếu ưu đãi	-
Lợi ích CĐ thiểu số	-
Giá trị vốn chủ (tỷ VND)	7,680
Số lượng cổ phiếu (triệu)	288
Giá mục tiêu (VND/CP)	26,700

Dòng tiền FCFF

	2024F	2025F	2026F	...	2032F	2033F
EBIT	480	726	882	...	713	726
Thuế	530	70	70	...	70	70
Khấu hao	48	138	191	...	212	222
Capex	-	-	-	...	-	-
Thay đổi vốn lưu động	(69)	93	(7)	...	10	21
Dòng tiền dự đo	1,031	566	767	...	561	553
Giá trị hiện tại của dòng tiền	932	462	566	...	249	222

Nguồn: BSC Research

Định giá theo EV/EBITDA

EV/EBITDA mục tiêu	6.5
EBITDA 2025*	832
EV	5,415
Tiền mặt Q2/25	3,454
Nợ vay Q2/25	1,988
Vốn hóa mục tiêu	6,881
Giá mục tiêu	23,900

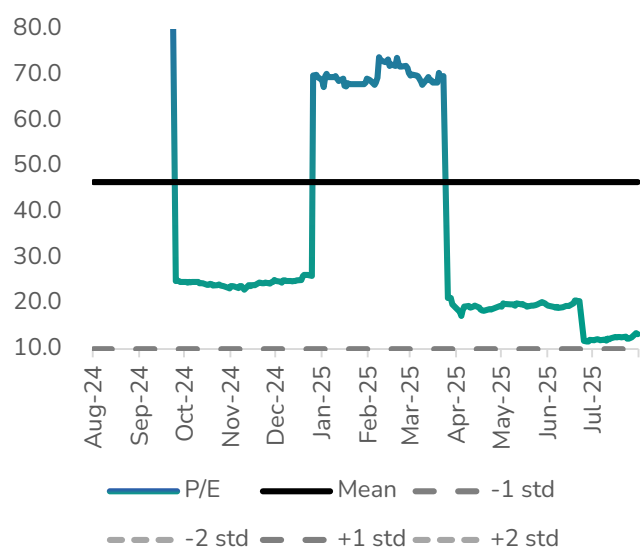
(*) EBITDA đã loại bỏ lợi nhuận bất thường

Tổng hợp định giá NT2

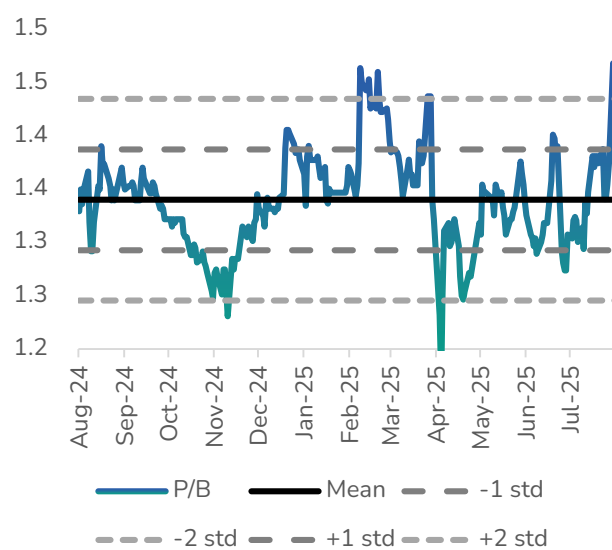
Phương pháp	Định giá	Tỷ trọng	Đóng góp
FCFF	26,700	50%	13,350
EV/EBITDA	23,900	50%	11,950
Giá mục tiêu			25,300
Giá hiện tại			21,650
Upside			17.0%
Tỷ suất cổ tức			4.6%
Tổng mức lợi nhuận			21.6%

Nguồn: BSC Research

Hình 14: Stock PE



Hình 15: Stock PB



Nguồn: BSC Research, Bloomberg

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	6,386	5,944	7,345	7,523
Giá vốn hàng bán	5,876	5,892	6,754	6,688
Lợi nhuận gộp	510	52	590	835
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí QLDN	69	81	88	87
Lãi/lỗ HDKD	441	(30)	502	748
Doanh thu tài chính	107	100	130	183
Chi phí tài chính	34	39	54	66
Chi phí lãi vay	34	35	54	66
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	(0)	72	-	-
LN trước thuế	514	104	579	865
Thuế thu nhập DN	41	21	48	138
LN sau thuế	473	83	530	727
CĐTS	-	-	-	-
LNST-CĐTS	473	83	530	727
EBITDA	1,129	657	1,032	818
EPS	1,643	288	1,841	2,526

LCTT (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
(lỗ)/LNST	473	83	530	727
Khấu hao và phân bổ	687	687	530	70
Thay đổi vốn lưu động	1,321	(189)	69	(93)
Điều chỉnh khác	(1,625)	(53)	-	-
LCTT từ HĐ KD	857	528	1,129	705
Tiền chi mua TSCĐ	(3)	(4)	-	-
Đầu tư khác	(1,087)	(63)	-	-
LCTT từ HĐ đầu tư	(1,090)	(67)	0	0
Tiền chi trả cổ tức	(719)	(201)	(288)	(432)
Tiền từ vay ròng	569	(204)	1,000	-
Tiền thu khác	-	-	-	-
LCTT từ HĐ tài chính	(150)	(405)	712	(432)
Dòng tiền đầu kỳ	(383)	56	57	1,899
Tiền trong kỳ	384	1	1,842	273
Dòng tiền cuối kỳ	1	57	1,899	2,172

CĐKT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	4,770	5,774	7,274	7,604
Tiền & Tương đương tiền	1	57	1,921	2,194
Đầu tư ngắn hạn	2,100	2,273	2,273	2,273
Phải thu ngắn hạn	2,326	2,989	2,553	2,613
Hàng tồn kho	260	333	405	401
TS ngắn hạn khác	83	122	122	122
Tài sản dài hạn	3,681	2,924	2,372	2,302
Tài sản hữu hình	2,125	1,442	890	820
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	1,556	1,482	1,482	1,482
Tổng Tài sản	8,451	8,698	9,646	9,906
Tổng nợ ngắn hạn	4,115	4,509	5,215	5,179
Nợ phải trả	1,680	2,253	1,959	1,923
Vay ngắn hạn	1,200	996	1,996	1,996
Nợ ngắn hạn khác	1,235	1,260	1,260	1,260
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	4,115	4,509	5,215	5,179
Vốn góp	2,879	2,879	2,879	2,879
Thặng dư vốn cổ phần	(0)	(0)	(0)	(0)
LN chưa phân phối	1,231	1,085	1,903	3,062
Vốn chủ khác	226	226	226	226
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	4,336	4,189	5,007	6,166
Tổng nguồn vốn	8,451	8,698	10,222	11,345
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	288	288	288	288

Chỉ số (%)	2023	2024	2025F	2026F
Khả năng thanh toán				
Hệ số TT ngắn hạn	1.2	1.3	1.4	1.5
Hệ số TT nhanh	1.1	1.2	1.3	1.4
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTS	0.1	0.1	0.2	0.2
Hệ số Nợ/Nguồn vốn	0.3	0.2	0.4	0.3
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	20.7	19.9	18.3	16.6
Số ngày phải thu	2.5	2.3	2.7	3.0
Số ngày phải trả	4.8	3.0	3.2	3.4
CCC	18.4	19.2	17.8	16.1
Tỉ suất lợi nhuận				
Biên Lợi nhuận gộp	8%	1%	8%	11%
Biên Lợi nhuận ròng	7%	1%	7%	10%
ROE	11%	2%	12%	13%
ROA	6%	1%	6%	7%
Định giá				
PE	14.2	78.6	11.9	8.7
PB	1.6	1.4	1.3	1.0
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-27%	-7%	24%	2%
Tăng trưởng EBIT	-54%	107%	1794%	49%
Tăng trưởng LNTT	-46%	-80%	457%	49%
Tăng trưởng EPS	-46%	-82%	540%	37%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhdq@bsc.com.vn

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Tuntc@bsc.com.vn

Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpm@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Nguyễn Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyhch@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn